TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2021
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Ông **Vũ Công Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Anh** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Đinh Quang Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST – DS, ngày 13/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phước Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H.

Địa chỉ: Thôn Ea Klang, xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 20/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào ngày 27/7/2018 vợ chồng ông Huỳnh Văn N và bà Hứa Thị Mỹ H có đến tiệm cơ khí của ông Trần Phước Th để làm xe công nông để phục

vụ cho gia đình. Hai bên thống nhất thỏa thuận và còn nợ lại của ông Th số tiền 23.680.000 đồng. Thời hạn trả nợ vào ngày 10/12/2018. Sau đó vợ chồng ông N, bà H có việt lại giấy nhận nợ đến ngày 25/12/2019 sẽ trả đủ nợ gốc và nợ lãi. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Đến ngày 01/01/2020 ông N, bà H có trả được số tiền 16.000.000 đồng. Mặc ông Th đã đến nhà ông Huỳnh Văn N, bà Hứu Thị Mỹ H yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông N, bà H vẫn chây ì, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông Trần Phước Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứu Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Th số tiền 15.960.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản nợ gốc và nợ lãi cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H nhưng ông N, bà H vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Phước Th số tiền nợ gốc là 7.680.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả với tổng nợ lãi là 3.344.000 đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Phước Th khởi kiện ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền sửa chữa xe nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về nghĩa vụ thanh toán và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp vê về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ

được ghi trong giấy ghi nhận nợ. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không nộp văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N, bà H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Phước Th thấy rằng: Ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H có nợ tiền sữa chữa xe công nông của ông Trần Phước Th là có thật, bởi lẽ căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 03/2/2019, thể hiện ông N, bà H có nợ ông Th số tiền 23.680.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và được ông Th thừa nhận là ông N, bà H đã trả cho ông Th vào ngày 01/01/2020 với số tiền 16.000.000 đồng. Ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng vẫn cố tình trốn tránh và không có ý kiến phản đối nên được coi là từ bỏ quyền trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, nguyên đơn ông Trần Phước Th yêu cầu ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về khoản nợ gốc: Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 03/2/2019 thì số nợ gốc 23.680.000 đồng, vào ngày 01/01/2020 trả được 16.000.000 đồng nên nợ gốc còn lại là 7.680.000 đồng.

Về khoản nợ lãi: Hai bên có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên thực chất đây là việc vợ chồng ông N, bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền sữa chữa xe nên cần tính lại cho phù hợp với Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể tính như sau:

- Tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền 23.680.000 đồng là: 23.680.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 28 ngày = 2.128.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 7.680.000 đồng x 10 %/năm x 19 tháng = 1.216.000 đồng.

Tổng cộng nợ lãi là 3.344.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá quy định của pháp luật nên cần buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Phước Th số tiền nợ gốc 7.680.000 đồng và nợ lãi 3.326.000 đồng, tổng cộng là 11.024.000 đồng (*Mười một triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng*)

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứa Thị Mỹ H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 11.024.000 đồng x 5% = 551.000 đồng (lấy tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước Th.

1. Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứu Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Phước Th tổng số tiền nợ là 11.024.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 7.680.000 đồng và nợ lãi 3.344.000 đồng

Áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tính lãi chậm trả trên khoản tiền nợ gốc trong giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Hứu Thị Mỹ H phải chịu 551.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Phước Th số tiền 399.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011696, ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bứk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Văn Chinh